



CẬP NHẬT KẾT QUẢ KINH DOANH QUÝ 2/2025

CTCP Thương nghiệp Cà Mau

Ngày 30/06/2025	8,350 VNĐ		
Thay đổi	1 tháng	3 tháng	6 tháng
	-2.2%	1.7%	-

DT thuần Q2/25
1,069
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 20.0 2.0%
YoY: ▼ 48.0 -4.3%

LN thuần Q2/25
-0.17
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 0.15 48.3%
YoY: ▼ 4.99 -103%

LN sau thuế Q2/25
4.48
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 1.01 29.1%
YoY: ▲ 0.62 16.1%

Tỷ suất lãi EBIT Q2/25
0.8%
YoY: +/- ▲ 0.1%

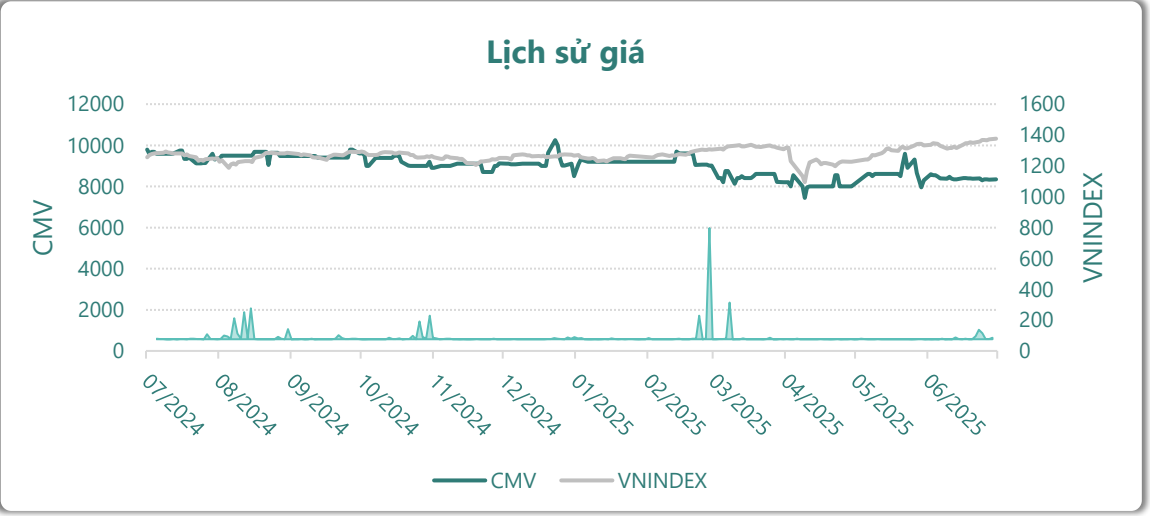
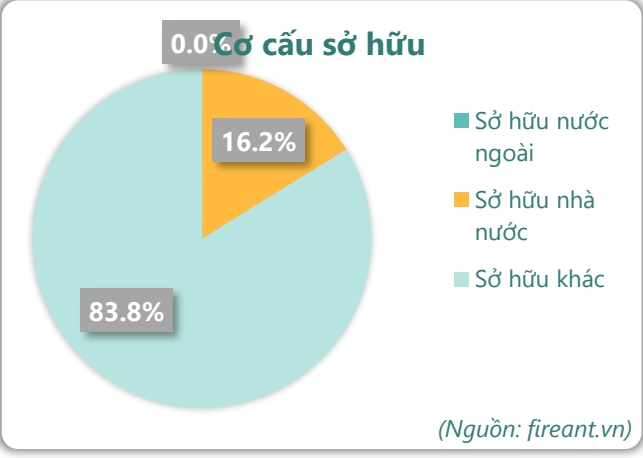
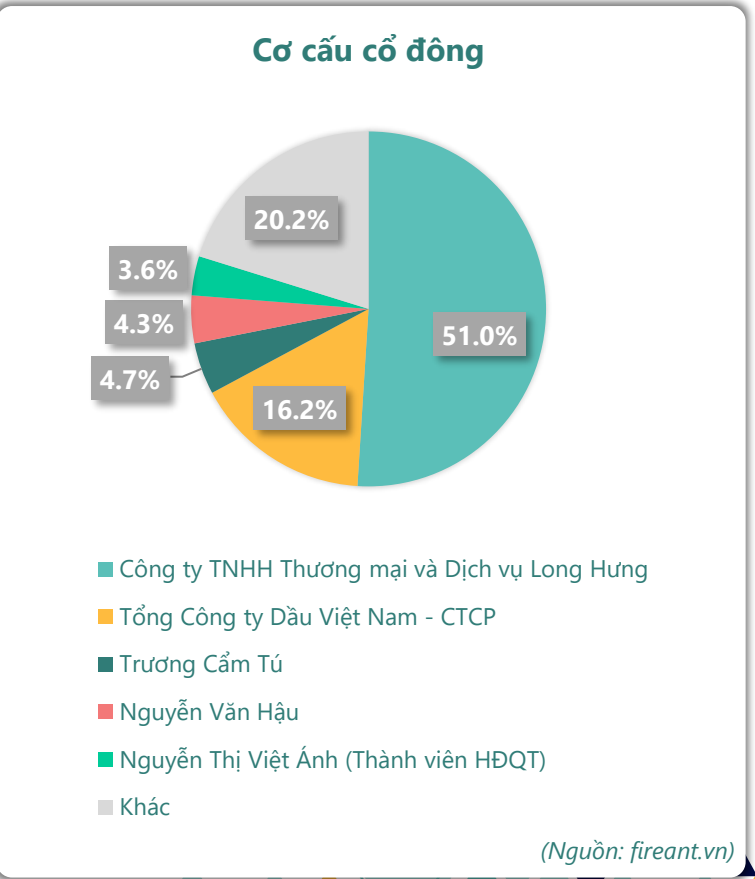
ROE (TTM) Q2/25
5.3%
YoY: +/- ▲ 0.5%

Sàn giao dịch	HSX
Khoảng giá 52 tuần	7,440 - 10,250
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	152
Số lượng CPLH (CP)	18,155,868
KLGD BQ 20 phiên (CP)	760
Sở hữu nước ngoài	0.0%
Beta	0.55
EPS	722
P/E	11.6

DT thuần 6T 2025
2,119
tỷ VNĐ
YoY: ▼ 162 -7.1%

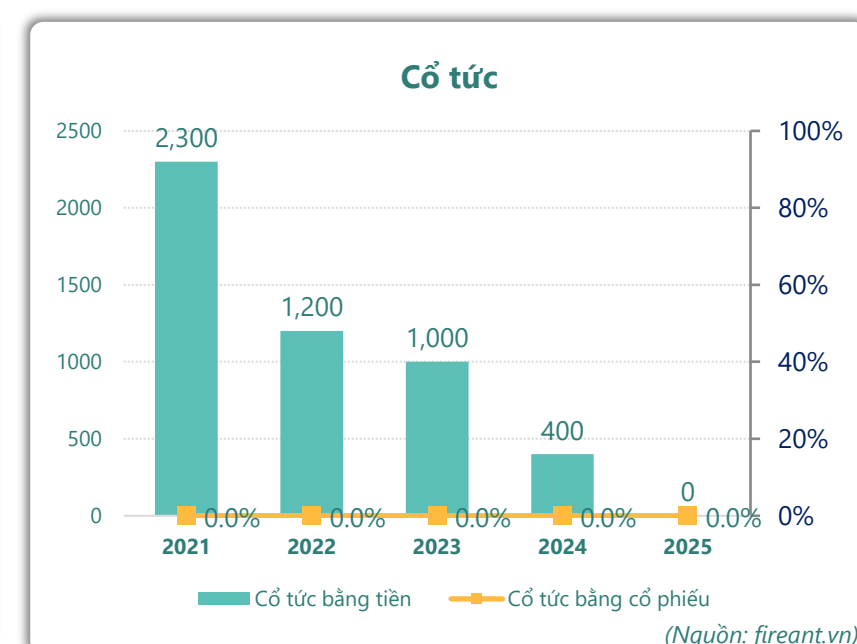
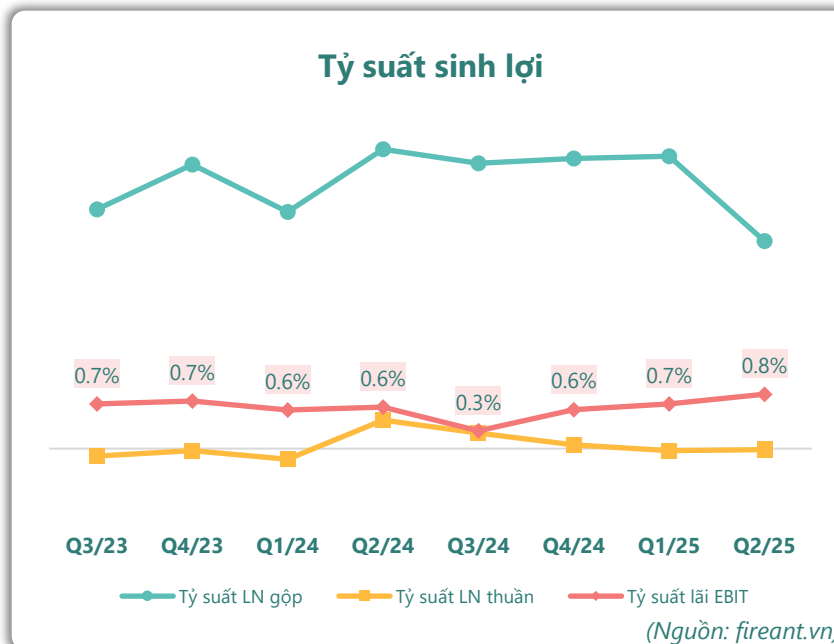
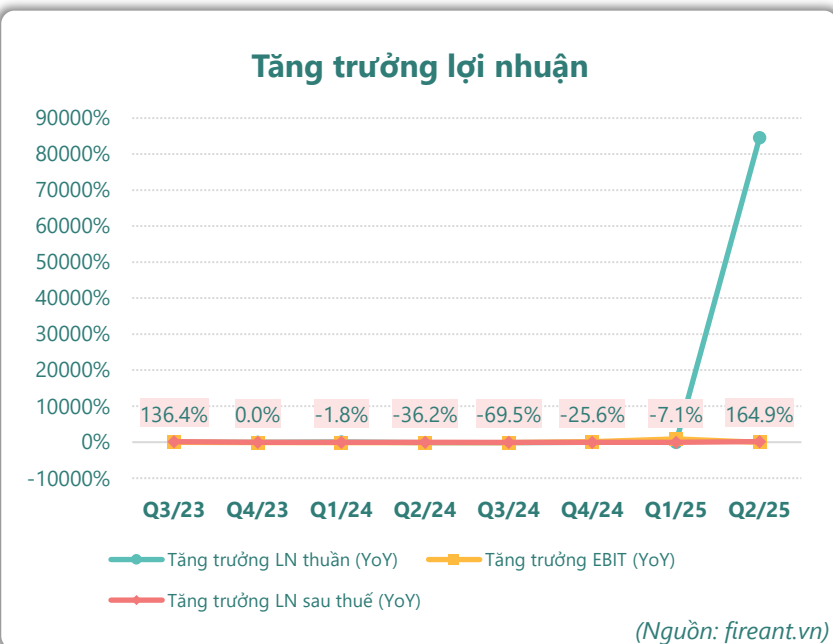
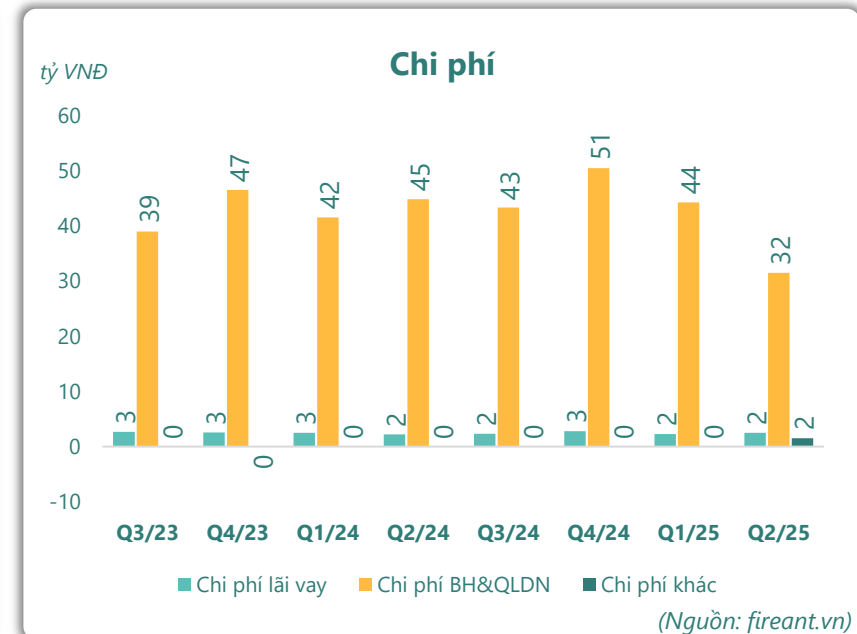
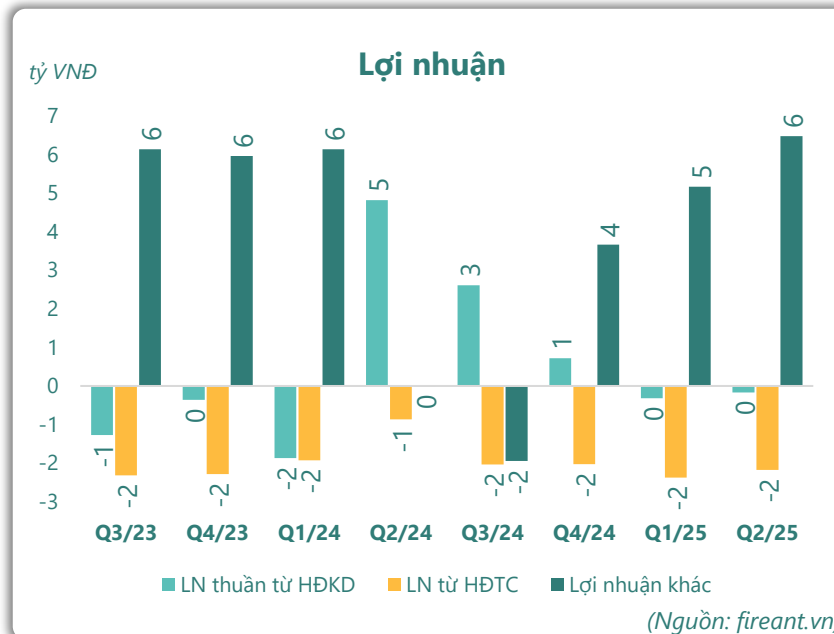
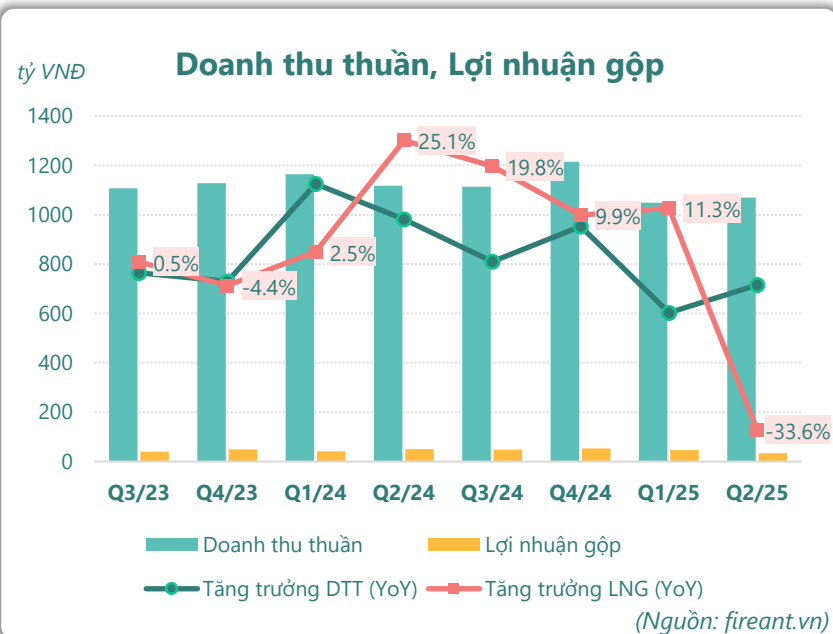
LN thuần 6T 2025
-0.49
tỷ VNĐ
YoY: ▼ 3.44 -116%

LN sau thuế 6T 2025
7.95
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 1.20 17.8%





KẾT QUẢ KINH DOANH

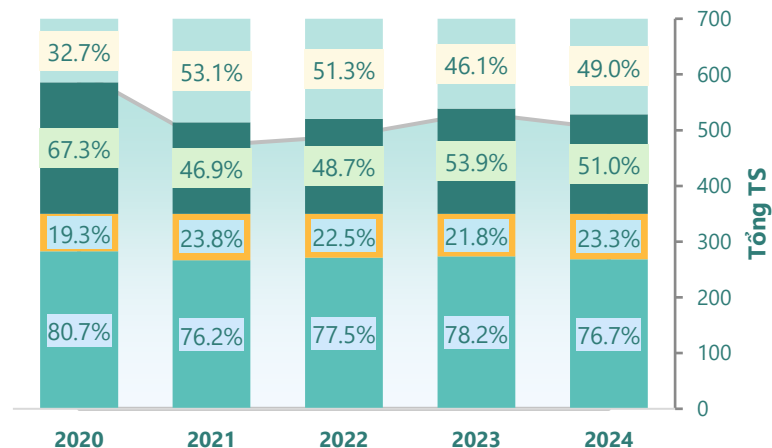




TÀI SẢN - NGUỒN VỐN

Cơ cấu Tổng tài sản

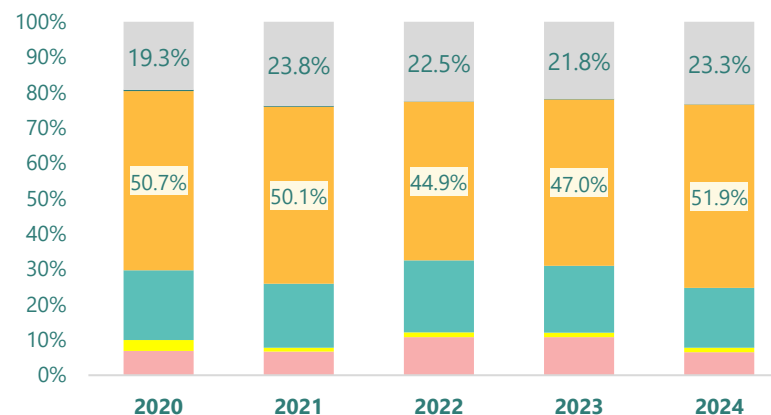
tỷ VNĐ



■ Tổng tài sản ■ TS ngắn hạn ■ TS dài hạn ■ Nợ phải trả ■ Nguồn VCSH

(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu TS ngắn hạn/Tổng TS

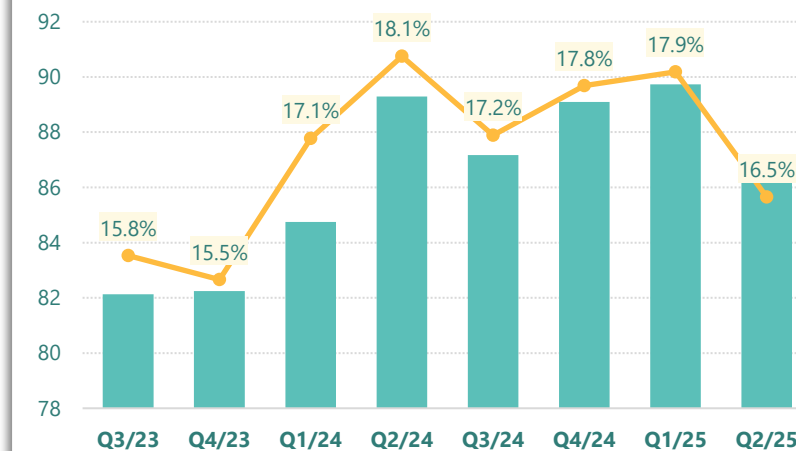


■ Tiền và ĐD tiền ■ Đầu tư TC ngắn hạn ■ Phải thu ngắn hạn ■ Hàng tồn kho ■ TSNH khác ■ TS dài hạn

(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định

tỷ VNĐ

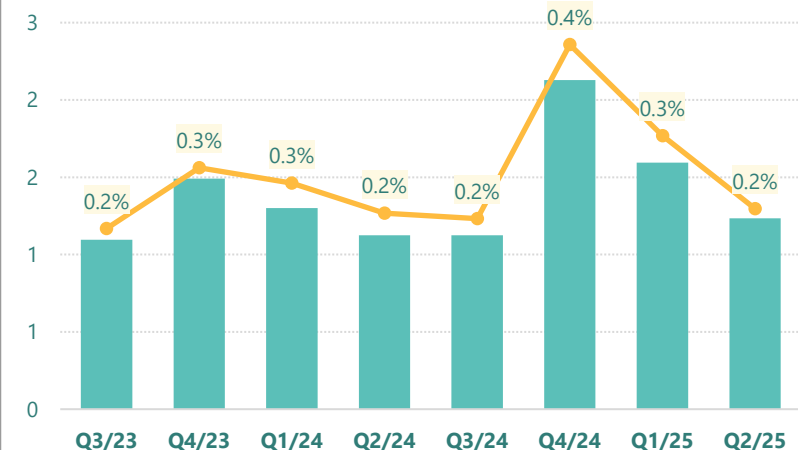


■ Tài sản cố định — TSCĐ/Tổng TS

(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang

tỷ VNĐ

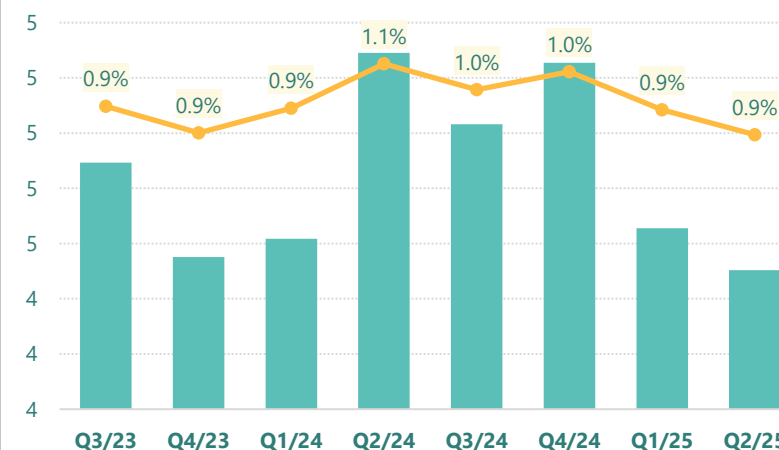


■ Tài sản dở dang — TSDD dài hạn/Tổng TS

(Nguồn: fireant.vn)

Đầu tư tài chính dài hạn

tỷ VNĐ

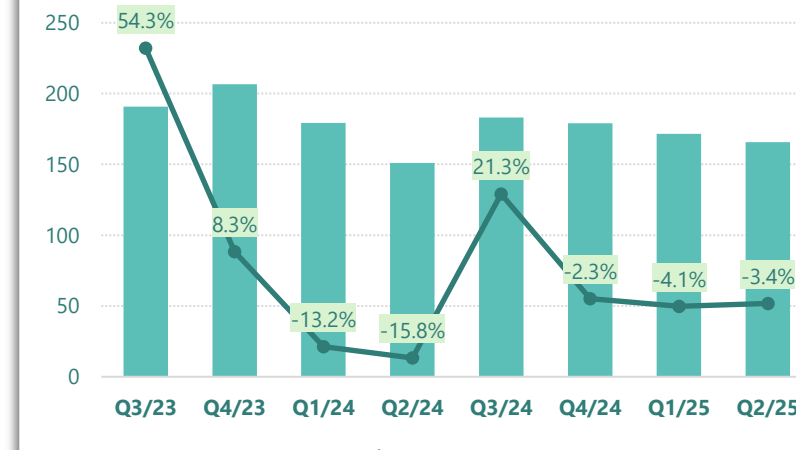


■ Đầu tư tài chính dài hạn — ĐTTC dài hạn/Tổng TS

(Nguồn: fireant.vn)

Nợ vay

tỷ VNĐ



■ Vay và nợ thuê ngắn hạn ■ Vay và nợ thuê dài hạn

— Tăng trưởng nợ vay

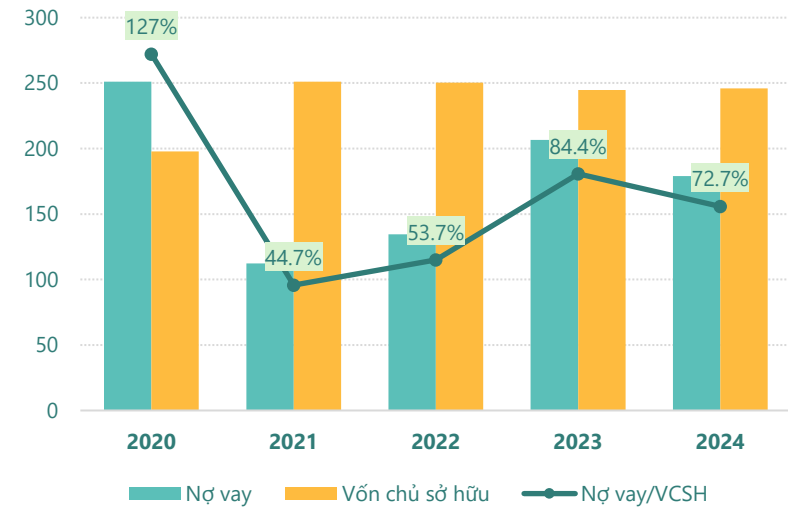
(Nguồn: fireant.vn)



HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG

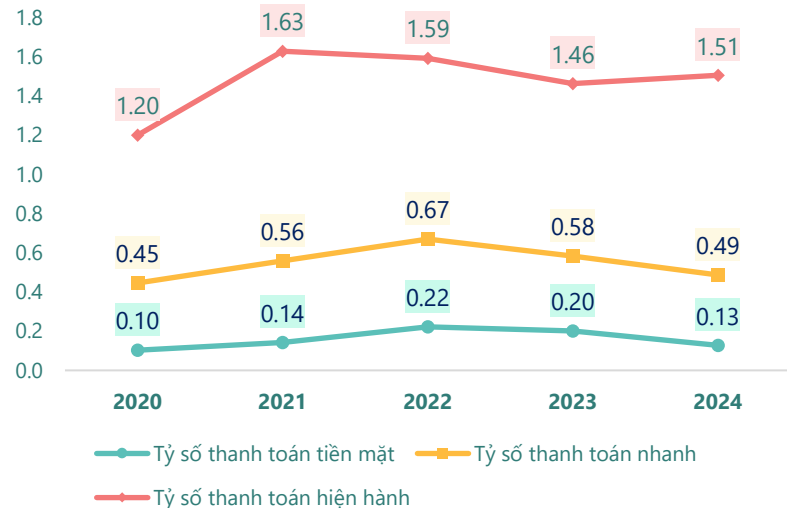
Nợ vay/VCSH

tỷ VNĐ



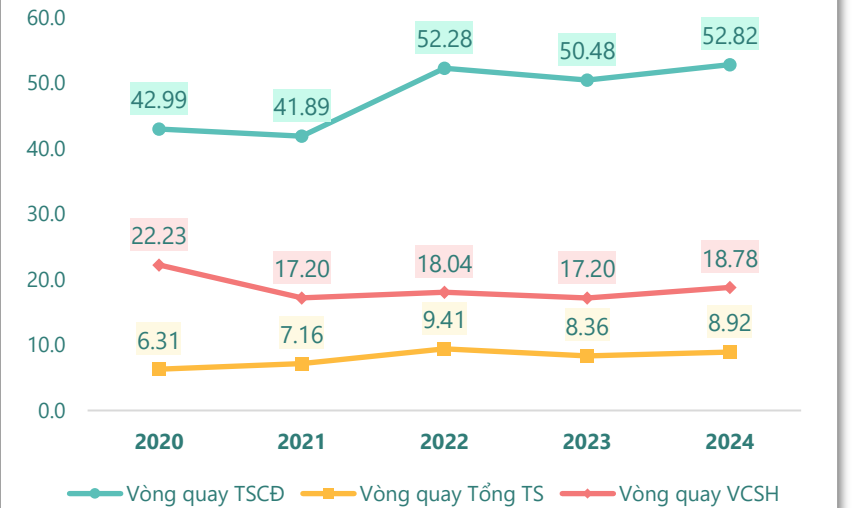
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



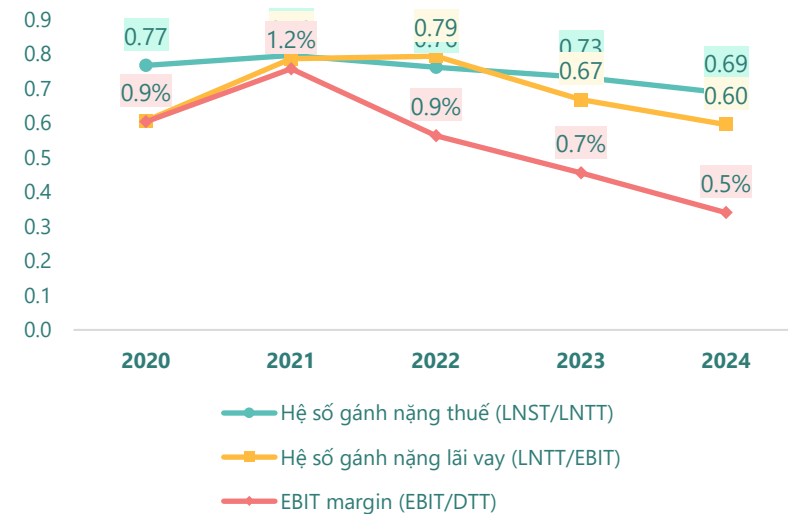
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



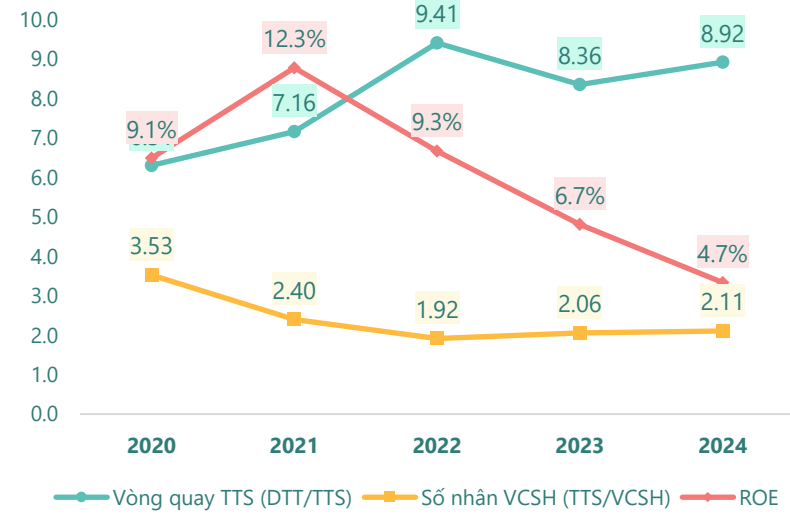
(Nguồn: fireant.vn)

Hệ số gánh nặng thuế và lãi vay



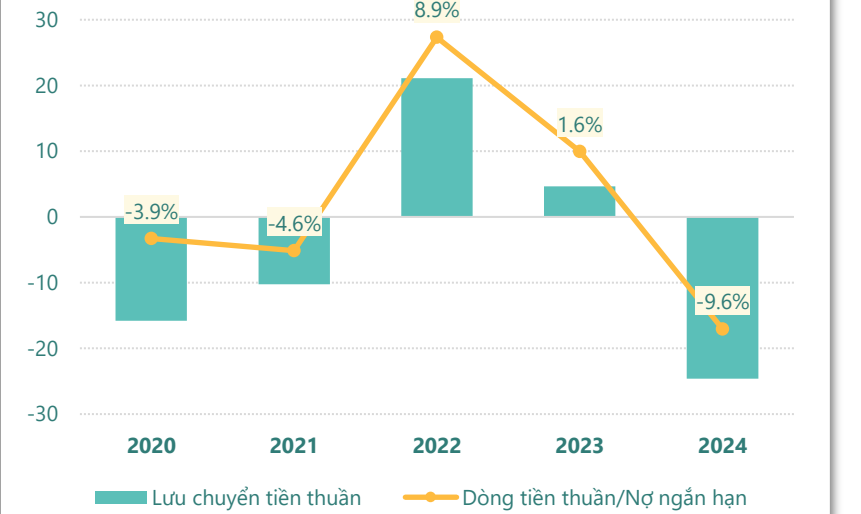
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản và ROE



(Nguồn: fireant.vn)

Dòng tiền thuần trên Nợ ngắn hạn



(Nguồn: fireant.vn)



KẾT QUẢ KINH DOANH

(tỷ VNĐ)	Q2/25	Q2/24	Thay đổi YoY	6T 2025	6T 2024	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	1,069	1,117	-4.3%	2,119	2,281	-7.1%
Giá vốn hàng bán	1,036	1,066	-2.8%	2,039	2,189	-6.8%
Lợi nhuận gộp	33.6	50.6	-33.6%	80.0	92.2	-13.3%
Doanh thu HĐTC	0.65	0.71	-7.8%	1.24	1.25	-0.8%
Chi phí TC	2.83	1.57	80.4%	5.79	4.04	43.2%
Chi phí lãi vay	2.49	2.21	12.9%	4.76	4.72	0.9%
LN trong công ty LKLD	0	0.00		0	0	
Chi phí bán hàng	27.7	40.5	-31.6%	67.6	78.0	-13.3%
Chi phí QLDN	3.88	4.39	-11.6%	8.32	8.54	-2.5%
LN thuần từ HĐKD	-0.17	4.82	-103%	-0.49	2.95	-116%
Lợi nhuận khác	6.48	-0.01	64865%	11.6	6.13	89.9%
LN trước thuế	6.31	4.81	31.2%	11.2	9.08	22.8%
Lợi nhuận sau thuế	4.48	3.86	16.1%	7.95	6.75	17.8%
LNST của CĐ cty mẹ	5.41	4.17	29.8%	9.16	7.57	20.9%

(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền tệ

(tỷ VNĐ)	Q1/24	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	25.5	30.5	-47.4	15.5	5.04	10.1
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	-3.26	-4.88	-0.06	-5.54	-1.86	-4.17
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	-27.3	-28.3	32.2	-11.5	-7.36	-5.89
Tiền đầu kỳ	57.3	52.2	49.5	34.2	32.7	28.5
Lưu chuyển tiền thuần	-5.09	-2.66	-15.3	-1.53	-4.18	0.04
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0	0	0	0
Tiền cuối kỳ	52.2	49.5	34.2	32.7	28.5	28.6

(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

(tỷ VNĐ)	Tại ngày 30/6/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	529	503	5.2%
Tài sản ngắn hạn	416	385	7.9%
Tiền và tương đương tiền	28.6	32.7	-12.7%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	6.40	6.40	0.0%
Phải thu ngắn hạn	83.0	85.1	-2.4%
Hàng tồn kho	296	261	13.5%
Tài sản ngắn hạn khác	1.69	0.44	282%
Tài sản dài hạn	113	117	-3.7%
Phải thu dài hạn	6.37	6.16	3.5%
Tài sản cố định	87.0	89.1	-2.4%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	1.23	2.13	-42.1%
Đầu tư tài chính dài hạn	4.50	5.25	-14.3%
Tài sản dài hạn khác	13.8	14.6	-5.5%
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	275	257	7.0%
Nợ ngắn hạn	274	256	6.9%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	166	179	-7.4%
Phải trả người bán ngắn hạn	79.9	46.7	70.9%
Nợ dài hạn	0.80	0.56	43.4%
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	
Nguồn vốn chủ sở hữu	254	246	3.2%
Vốn chủ sở hữu	254	246	3.2%
Vốn điều lệ	182	182	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	0	0	

(Nguồn: fireant.vn)

